

PHỤ LỤC 01
KIẾN NGHỊ THU HỒI VÀ GIẢM CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
(Kèm theo Công văn số 7736/UBND-KTTH ngày 06/8/2026 của UBND tỉnh)

ĐVT: đồng

STT	Đơn vị, chỉ tiêu, nội dung kiến nghị	Số tiền	Đã thực hiện	Còn lại chưa thực hiện	Chứng từ thực hiện/Thuyết minh nguyên nhân chưa thực hiện	Ghi chú
	Tổng cộng	301.639.634.011				
I	Thu hồi nộp NSNN do chỉ sai chế độ	2.918.057.342				
1	Chi thường xuyên	34.529.342				
1	Ban quản lý khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi	34.529.342				Thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp chưa phù hợp, do tính thừa khối lượng trồng cỏ lá gừng tại một số vị trí
2	Chi đầu tư	2.883.528.000				
1	UBND xã Sa Thầy	111.420.000				
1.1	Dự án đường giao thông từ tỉnh lộ 674, xã Sa Sơn đi Đai tường niệm Chư Tan Kra và sửa chữa, tôn tạo, nâng cấp Đai tường niệm Chư Tan Kra	111.420.000				
2	UBND xã Đăk Tô	97.544.000				
2.1	Dự án sắp xếp, ổn định dân cư tại chỗ xã Pô Kô	46.477.000				
2.2	Dự án Đường ĐH 55 (đường Đăk Môt-Kon Tu Peng)	51.067.000				
3	UBND xã Măng Bút	151.246.000				
3.1	Dự án sắp xếp, bố trí ổn định dân cư tập trung và tại chỗ xã Đăk Nền, huyện Kon Plông	83.145.000				
3.2	Dự án sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư tại chỗ xã Đăk Rìng	68.101.000				
4	UBND xã Măng Đen	393.653.000				
4.1	Dự án Đường từ trung tâm huyện Kon Plông kết nối đường Đông Trường Sơn	55.704.000				
4.2	Dự án Đường ĐH34 từ Km10+380 - Km15 đầu nối TL676	42.017.000				
4.3	Dự án Đường từ Quốc lộ 24 đi khu nghỉ dưỡng khu vực Đông Nam	295.932.000				
5	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi	228.922.000				
5.1	Dự án Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng và mua sắm trang thiết bị cho 04 trung tâm Y tế huyện, tỉnh Quảng Ngãi	113.132.000				
5.2	Dự án Nâng cao năng lực Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Quảng Ngãi	27.385.000				
5.3	Dự án Tuyến đường Chợ Mới - Tân Phong (giai đoạn 3)	4.019.000				
5.4	Dự án Tuyến đường Đầu Dưng - Điện Lộ, Thủy Đức (giai đoạn 1)	24.451.000				
5.5	Dự án Kè chống sạt lở bờ sông Cây Bứa, xã Nghĩa Phương, huyện Tư Nghĩa	24.802.000				
5.6	Dự án Chính trang trung tâm huyện; Hàng mục: Quảng trường, sân nền, kè, vỉa hè, cây xanh, hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng và công viên cây xanh	14.749.000				
5.7	Dự án Đường bờ tả sông Phước Giang (Giai đoạn 2)	20.384.000				
6	Trường Cao đẳng Kon Tum tỉnh Quảng Ngãi	81.418.000				
6.1	Dự án Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất và bổ sung trang thiết bị Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum	81.418.000				
7	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi	907.181.000				
7.1	Dự án Kè chống lũ lụt, sạt lở các làng đồng bào dân tộc thiểu số dọc sông Đăk Bla trên địa bàn thành phố Kon Tum (tuyến Bờ Bắc - đoạn từ làng Kon Hra Chót đi làng Kon Tum Kơ Năm, Kon Klor 1 và Kon Tum Kơ Pong)	907.181.000				
8	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi	910.702.000				
8.1	Dự án Kè chống sạt lở bờ sông Trà Bồng, đoạn qua thôn Đông Yên 2, xã Bình Dương, huyện Bình Sơn	100.712.000				
8.2	Dự án Trung tâm y tế quốc tế Mao Nguyên Bình Sơn (giai đoạn 1)	174.814.000				
8.3	Dự án Cầu Thạch An (Bình Minh - Bình Mỹ)	245.455.000				
8.4	Dự án Đường Hà Thành - Sơn Giang - Hải Giả (nối tiếp)	104.953.000				
8.5	Dự án Khắc phục đường Sơn Tân - Sơn Lập (ĐH83) và KDC Anh Nhoi 2	50.066.000				
8.6	Dự án Quảng trường Trung tâm huyện lỵ huyện Sơn Tịnh mới	18.509.000				
8.7	Dự án Tuyến đường từ Cây Chò đi Trà Nham	175.799.000				
8.8	Dự án Tuyến đường số 2 nội vùng hồ nước trong	40.394.000				
9	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Tây Quảng Ngãi	1.442.000				
9.1	Dự án Sửa chữa nâng cấp Đập Đăk Cầm, thành phố Kon Tum	1.442.000				
II	Các khoản phải giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	51.543.855.274				
1	Chi đầu tư	4.746.946.000				
1	UBND xã Đăk Tô	241.769.000				
1.1	Dự án Kè chống sạt lở sông Đăk Tô Kan (đoạn cầu 42) huyện Đăk Tô	149.020.000				
1.2	Dự án sắp xếp, ổn định dân cư tại chỗ xã Pô Kô	52.534.000				
1.3	Dự án Đường ĐH 55 (đường Đăk Môt-Kon Tu Peng)	40.215.000				
2	UBND xã Đăk Hà	62.090.000				
2.1	Dự án Đường Nguyễn Trãi, thị trấn Đăk Hà	10.283.000				
2.2	Dự án Nâng cấp vỉa hè tuyến đường Hùng Vương đoạn qua trung tâm Thị trấn Đăk Hà, giai đoạn 1: Điểm đầu từ cây xăng Thanh Phương, điểm cuối tại nút giao đường Chu Văn An (Tượng đài văn hóa).	9.314.000				
2.3	Dự án sắp xếp, ổn định dân cư tại chỗ và xen ghép xã Đăk Pxi, huyện Đăk Hà.	42.493.000				
3	UBND phường Đăk Cầm	12.026.000				
3.1	Dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng khu tái định cư kết hợp với mở rộng, phát triển khu dân cư phía Bắc phường Duy Tân, thành phố Kon Tum	12.026.000				
4	UBND phường Kon Tum	204.927.000				
4.1	Dự án Hệ thống thoát nước, vỉa hè các tuyến nội thành, thành phố Kon Tum	204.927.000				
5	UBND xã Bờ Y	482.828.000				
5.1	Dự án Đền thờ liệt sĩ gắn với di tích Chiến thắng Đăk Tô năm 1967 và Diểm cao 875 lịch sử	470.531.000				
5.2	Dự án Đầu tư, tôn tạo, nâng cấp Di tích lịch sử Chiến thắng Plei Kăn, huyện Ngọc Hồi	12.297.000				

Chi tiết tại Phụ lục số 07.6/BCKT-NSDP và Phụ biểu số 01/BCKT-DT

STT	Đơn vị, chỉ tiêu, nội dung kiến nghị	Số tiền	Đã thực hiện	Còn lại chưa thực hiện	Chứng từ thực hiện/Thuyết minh nguyên nhân chưa thực hiện	Ghi chú
6	UBND xã Tu Mơ Rông	69.729.000				Chi tiết tại Phụ lục số 07.6/BCKT-NSDP và Phụ biểu số 01/BCKT-DT
6.1	Dự án Đường từ Quốc lộ 40B huyện Tu Mơ Rông đi thôn 8, xã Đắk Pxi, huyện Đắk Hà (đoạn qua địa phận huyện Tu Mơ Rông)	69.729.000				
7	UBND xã Măng Đen	609.697.000				
7.1	Dự án Nâng cấp, mở rộng đường Trần Hưng Đạo	214.542.000				
7.2	Dự án Nâng cấp, mở rộng đoạn từ QL24 đi thôn Kon Brăy	395.155.000				
8	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi	727.221.000				
8.1	Dự án Trường Trung học phổ thông chuyên Lê Khiết - Xây dựng Ký túc xá; các hạng mục thiết yếu đạt tiêu chuẩn trường chuyên (giai đoạn 2)	44.223.000				
8.2	Dự án Trường THPT Lý Sơn	43.481.000				
8.3	Dự án Trường Chính trị tỉnh (giai đoạn 2)	53.784.000				
8.4	Dự án Xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ	61.478.000				
8.5	Dự án Nâng cấp, cải tạo sân vận động tỉnh và xây dựng đường vành đai xung quanh sân vận động	44.935.000				
8.6	Dự án Đầu tư, nâng cấp các Trường THCS trên địa bàn thành phố (giai đoạn 2022-2023: Trường THCS Trương Quang Trọng, trường THCS Chánh Lộ)	7.016.000				
8.7	Dự án Nâng cấp, chỉnh trang trục đường Phạm Văn Đồng và Quảng trường thành phố	79.309.000				
8.8	Dự án Đầu tư, nâng cấp các Trường Tiểu học trên địa bàn thành phố (giai đoạn 1 năm 2023 đầu tư 04 điểm trường: Trường TH Trần Phú, Trường TH số 1 Trương Quang Trọng, Trường TH Lê Hồng Phong và Trường TH Tịnh Kỳ)	54.646.000				
8.9	Dự án Trường Mầm non thị trấn Mộ Đức (giai đoạn 1).	18.330.000				
8.10	Dự án Tuyến đường Chợ Mới - Tân Phong (giai đoạn 3)	4.476.000				
8.11	Dự án Tuyến đường Bàu Sùng - Bến Dàn - Thủy Bắc	-				
8.12	Dự án Tuyến đường Đức Tân (Queo Thừa Xuân) - Quốc Lộ 24 (đoạn nội thị).	18.340.000				
8.13	Dự án Đường Phan Đình Phùng nối dài (đoạn từ khu dân cư Phú Sơn đến đường dẫn cao tốc)	73.113.000				
8.14	Dự án Chỉnh trang đô thị mới Ba Vì	20.561.000				
8.15	Dự án Kè sạt lở bờ tả sông Phước Giang (Đoạn từ Đập Suối Lớn đến Cầu Long Mai)	44.310.000				
8.16	Dự án Đường Huỳnh Công Thiệu nối dài	78.169.000				
8.17	Dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Mỹ Trang - Phước Tân	14.042.000				
8.18	Dự án Chỉnh trang các tuyến đường Trần Hưng Đạo, Ngô Quyền, thị xã Đức Phổ	67.008.000				
9	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi	727.541.000				
9.1	Dự án Đường trục chính phía Tây thành phố Kon Tum	533.470.000				
9.2	Phù hợp đến đường Đào Duy Từ - phạm vi cầu nối qua sông	194.071.000				
10	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi	1.609.118.000				
10.1	Dự án Kè chống sạt lở và tôn tạo cảnh quan bờ Nam sông Trà Khúc (Cầu Trà Khúc 1 - Bến Tam Thương)	880.225.000				
10.2	Dự án Xây dựng mới hồ chứa nước Hồ Sầu	59.260.000				
10.3	Dự án Nâng cấp, mở rộng hệ thống tiêu Suối Kinh, chống ngập úng KCN VSIP	46.036.000				
10.4	Dự án Đường DH.77 (Di Lăng - Sơn Bao)	87.562.000				
10.5	Dự án Đường tránh Tây thị trấn Di Lăng	28.496.000				
10.6	Dự án Đường DH 72 (Sơn Nham - Sơn Kỳ)	40.026.000				
10.7	Dự án Đường Giá Gối - Mộ Níc (giai đoạn 2)	53.992.000				
10.8	Dự án Kè chống sạt lở trung tâm huyện	204.853.000				
10.9	Dự án Cầu Sơn Múa và đường vào hai đầu cầu	208.668.000				
2	Chi thường xuyên	46.796.909.274	#REF!			
2.1	Tại xã Minh Long: Quỹ lương (phụ cấp thu hút, lâu năm, ưu đãi nghề)	1.670.700.000				Xã Long Hiệp đạt chuẩn nông thôn mới theo Quyết định số 509/QĐ-UBND ngày 03/4/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, không còn là xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Điều 3 Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của TTgCP, nhưng UBND xã chưa giảm trừ kinh phí quỹ lương (phụ cấp thu hút và phụ cấp lâu năm, ưu đãi nghề), chưa đúng quy định tại Điều 2 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP, số tiền KTNN kiến nghị giảm trừ 1.670,7 trđ (Trường Mầm non Ánh Dương 934,9 trđ; Trường TH Long Hiệp 353,1 trđ; Trường THCS Long Hiệp 214,5 trđ; Trường PTDTNT THCS Minh Long 168,3 trđ)
2.2	Giảm trừ dự toán nguồn CCTL năm sau cấp xã	29.485.721.094				Đối với cấp xã, phường: Giảm dự toán nguồn CCTL còn tương ứng với nguồn CCTL còn thừa của xã, phường, do tính chưa cân đối nguồn CCTL còn lại của xã khi phân bổ nguồn CCTL của tỉnh để thực hiện chính sách tiền lương, tiền thưởng và các chế độ chính sách trong năm 2025, chưa đảm bảo quy định tại Điều 3 và khoản 3 Điều 4 Thông tư số 88/2024/TT-BTC
+	Đức Phổ	2.931.730.000				
+	Đắk Tô	2.407.000.000				
+	Trà Bồng	2.077.788.000				
+	Bình Sơn	1.984.255.000				
+	Kon Tum	3.984.200.000				
+	Vệ Giang	1.640.129.000				
+	Măng Đen	793.000.000				
+	Tư Nghĩa	2.561.259.000				
+	Minh Long	1.420.600.000				
+	Sơn Tịnh	3.899.700.000				
+	Bờ Y	2.034.060.094				
+	Đắk Hà	1.766.000.000				
+	Đắk Cấm	1.986.000.000				
2.4	Sở Nông nghiệp và Môi trường	3.527.000.000				

STT	Đơn vị, chỉ tiêu, nội dung kiến nghị	Số tiền	Đã thực hiện	Còn lại chưa thực hiện	Chứng từ thực hiện/Thuyết minh nguyên nhân chưa thực hiện	Ghi chú
+	Giảm trừ kinh phí CCTL	917.000.000				Kiểm toán xác định nguồn CCTL chuyển sang năm sau tăng 917 trđ do các đơn vị báo cáo nguồn CCTL chưa đầy đủ theo khoản 2,3 Điều 3 Thông tư số 62/2024/TT-BTC; Ban quản lý rừng phòng hộ Hạ Thạch Nham chưa trích đủ nguồn CCTL 900trđ (40% số thu được để lại theo quy định), Chỉ cục Kiểm lâm xác định số chuyển nguồn năm trước thiếu 17trđ
+	Giảm dự toán kinh phí công đoàn	971.000.000				Tình giao dự toán cho Sở NN&MT bao gồm cả số kinh phí công đoàn kết cấu trong quỹ tiền lương giao cho đơn vị, tuy nhiên KP công đoàn đã dừng thu từ 01/06/2025 theo Công văn số 4133/TLĐ-ToC ngày 23/5/2025 của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, dẫn đến thừa dự toán tại đơn vị
+	Giảm dự toán chi hoạt động (kinh phí tiết kiệm do tính gián biên chế)	1.639.000.000				Đơn vị chưa tiết kiệm kinh phí chi hoạt động do tính gián biên chế, sắp xếp tổ chức bộ máy thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị quyết 245/2025/QH15 ngày 13/11/2025 của Quốc hội và công văn số 294/BTC-QLNN ngày 09/01/2026 của Bộ Tài chính
2.5	Ban quản lý khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp	520.039.180				
+	Giảm dự toán kinh phí công đoàn	174.000.000				Tình giao dự toán cho đơn vị bao gồm cả số kinh phí công đoàn kết cấu trong quỹ tiền lương giao cho đơn vị, tuy nhiên KP công đoàn đã dừng thu từ 01/06/2025 theo Công văn số 4133/TLĐ-ToC ngày 23/5/2025 của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, dẫn đến thừa dự toán tại đơn vị
+	Giảm dự toán chi hoạt động (kinh phí tiết kiệm do tính gián biên chế)	272.000.000				Đơn vị chưa tiết kiệm kinh phí chi hoạt động do tính gián biên chế, sắp xếp tổ chức bộ máy thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị quyết 245/2025/QH15 ngày 13/11/2025 của Quốc hội và công văn số 294/BTC-QLNN ngày 09/01/2026 của Bộ Tài chính
+	Giảm trừ kinh phí CCTL	74.039.180				UBND tỉnh giao dự toán năm 2025 cho BQL cửa khẩu quốc tế Bờ Y nhưng chưa khấu trừ nguồn CCTL tại đơn vị, chưa phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 62/2024/TT-BTC
2.6	Sở Công thương	683.000.000				
+	Giảm dự toán kinh phí công đoàn	212.000.000				Tình giao dự toán cho Sở Công thương bao gồm cả số kinh phí công đoàn kết cấu trong quỹ tiền lương giao cho đơn vị, tuy nhiên KP công đoàn đã dừng thu từ 01/06/2025 theo Công văn số 4133/TLĐ-ToC ngày 23/5/2025 của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, dẫn đến thừa dự toán tại đơn vị
+	Giảm dự toán chi hoạt động (kinh phí tiết kiệm do tính gián biên chế)	471.000.000				Đơn vị chưa tiết kiệm kinh phí chi hoạt động do tính gián biên chế, sắp xếp tổ chức bộ máy thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị quyết 245/2025/QH15 ngày 13/11/2025 của Quốc hội và công văn số 294/BTC-QLNN ngày 09/01/2026 của Bộ Tài chính
2.7	Tại Sở Giáo dục và Đào tạo	7.645.000.000				
+	Các trường	401.000.000				Sở GD&ĐT đã thực hiện điều chỉnh giảm quy tiền lương theo chi tiêu biên chế được giao năm 2025 nhưng chưa điều chỉnh giảm kinh phí hoạt động tương ứng của các trường vượt chi tiêu biên chế giáo viên được giao, chưa phù hợp quy định tại Điều 2 Nghị quyết 29/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi, số tiền 401 trđ (Trường THPT Trần Kỳ Phong 24trđ, Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng 14trđ, Trường THPT Trần Quốc Tuấn 17trđ, Trường THPT số 2 Nghĩa Hành 28trđ, Trường THPT số 2 Tư Nghĩa 13trđ, Trường THPT Phạm Văn Đồng 13trđ, Trường THPT Số 2 Mộ Đức 38trđ, Trường THPT Trần Quang Diệu 12trđ, Trường THPT số 1 Đức Phổ 60trđ, Trường THPT Lương Thế Vinh 27trđ, Trường PTDTNT THPT tỉnh 67trđ, Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh 36trđ, Trung tâm GDNN - GDTX khu vực Mộ Đức 52trđ)
+	Giảm dự toán chi hoạt động (kinh phí tiết kiệm do tính gián biên chế)	280.000.000				Đơn vị chưa tiết kiệm kinh phí chi hoạt động do tính gián biên chế, sắp xếp tổ chức bộ máy thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị quyết 245/2025/QH15 ngày 13/11/2025 của Quốc hội
+	Giảm trừ kinh phí công đoàn	6.964.000.000				Tình giao dự toán cho đơn vị bao gồm cả số kinh phí công đoàn kết cấu trong quỹ tiền lương giao cho đơn vị, tuy nhiên KP công đoàn đã dừng thu từ 01/06/2025 theo Công văn số 4133/TLĐ-ToC ngày 23/5/2025 của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, dẫn đến thừa dự toán tại đơn vị
2.8	Văn phòng Tỉnh ủy (qua kiểm toán tổng hợp tại Sở Tài chính)	614.915.000				Sở Tài chính: (i) Thu hồi thiếu kinh phí tiết kiệm chi của công chức, NLD nghi theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP của Đảng ủy các cơ quan tỉnh, số tiền 233,9trđ; (ii) Chưa thu hồi kinh phí giám chi do sáp nhập Ban Tuyên giáo và Ban Dân vận (lương và kinh phí hoạt động) tính theo định mức tại khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Quảng Ngãi, số tiền 381trđ.
2.9	Kinh phí công đoàn (các đơn vị cấp tỉnh) qua kiểm toán tổng hợp tại Sở Tài chính	2.482.534.000				Tình giao dự toán cho đơn vị bao gồm cả số kinh phí công đoàn kết cấu trong quỹ tiền lương giao cho đơn vị, tuy nhiên KP công đoàn đã dừng thu từ 01/06/2025 theo Công văn số 4133/TLĐ-ToC ngày 23/5/2025 của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, dẫn đến thừa dự toán tại đơn vị
2.10	Đặc khu Lý Sơn: UBND đặc khu giảm dự toán KP của các trường	168.000.000				Địa phương giao dự toán quỹ tiền lương (mức lương cơ sở 2,34trđ) từ đầu năm cho các trường nhưng chưa cân đối nguồn CCTL còn tồn tại các trường (nguồn 40% số thu được để lại) chưa phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 62/2024/TT-BTC
III	Thu hồi kinh phí thừa	209.045.293.091				
1	Chi đầu tư	70.646.207.336				

STT	Đơn vị, chỉ tiêu, nội dung kiến nghị	Số tiền	Đã thực hiện	Còn lại chưa thực hiện	Chứng từ thực hiện/Thuyết minh nguyên nhân chưa thực hiện	Ghi chú
1.1	Thu hồi về NSTW: Kế hoạch vốn nguồn NSTW không được kéo dài	70.521.625.506				Kế hoạch vốn năm 2025 (kể cả vốn kéo dài 2024 sang 2025) còn lại đến cuối năm 2025 đã hết nhiệm vụ chi, hết thời gian giải vốn nhưng tỉnh Quảng Ngãi chưa nộp trả NSTW theo quy định tại khoản 1 Điều 72 Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15
1.2	Xã Tư Nghĩa	76.009.000				KP hết nhiệm vụ chi phải nộp trả ngân sách cấp trên theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 26/2026/TT-BTC, số tiền 76trđ (vốn đầu tư phát triển còn lại theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 05/9/2025)
1.3	Tu Mơ Rông	48.572.830				Nguồn vốn đầu tư Dự án Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền của 03 dự án đã phê duyệt quyết toán hoàn thành, hết nhiệm vụ chi chưa nộp trả NS tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 26/2026/TT-BTC số tiền 48,6trđ (Nước tự chảy phục vụ mô hình trồng được liệu và các loại cây trồng khác xã Đăk Hà (Điểm số 1) 19,4tr; Nước tự chảy phục vụ mô hình trồng được liệu và các loại cây trồng khác xã Đăk Hà (Điểm số 2) 27,2trđ; Hệ thống điện chiếu sáng nhóm 6 thôn Mô Pá xã Đăk Hà 1.0trđ)
2	Chỉ thường xuyên	138.399.085.755				
2.1	Thu hồi về ngân sách Trung ương	93.422.468.715				
a	Kinh phí TW bổ sung có mục tiêu (vốn sự nghiệp)	82.456.435.715				Kinh phí NSTW bổ sung có mục tiêu cho NSDP đến cuối năm 2025 sử dụng không hết nhưng địa phương chưa nộp trả cho NSTW theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 26/2026/TT-BTC
b	Kinh phí tiết kiệm 5% chỉ thường xuyên năm 2024 theo NQ 119/NQ-CP	10.966.033.000				Kinh phí tiết kiệm 5% chỉ thường xuyên năm 2024 tại Nghị quyết số 119/NQ-CP đến hết năm NS địa phương sử dụng không hết nhưng chưa nộp cho NSTW chưa phù hợp quy định tại khoản 1 Công văn số 20194/BTC-NSNN ngày 26/12/2025 của Bộ Tài chính (NS cấp tỉnh 10.526,8trđ; thu hồi NS cấp xã về NS tỉnh để nộp NSTW 439,2trđ)
2.2	Thu hồi kinh phí thừa về ngân sách tỉnh	44.976.617.040				
a	Kinh phí hỗ trợ tổ chức Đại hội đại biểu Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025-2030	285.188.000				Kinh phí hỗ trợ tổ chức Đại hội đại biểu Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025-2030, cấp sau 30/9, hết nhiệm vụ phải hoàn trả NS tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 26/2026/TT-BTC (xã Thiện Tín 92,648 trđ; xã Ba Vì 102,45 trđ; xã Ba Đình 90,09 trđ)
b	Kinh phí công đoàn tại cấp xã	17.353.358.960				
b1	Các xã, phường, đặc khu kiểm toán chi tiết	9.708.609.871				
-	Đức Phổ	514.415.000				
-	Xã Đăk Tô	891.400.000				
-	Cầm Thành	983.739.353				
-	Nghĩa Lộ	861.856.632				
-	Trà Bồng	96.170.000				
-	Bình Sơn	896.830.000				
-	Bình Minh	396.970.000				
-	Minh Long	288.000.000				
-	Sơn Tịnh	584.505.000				
-	Măng Đen	457.362.000				
-	Tư Nghĩa	753.122.000				
-	Vệ Giang	529.908.000				
-	Đăk Hà	742.191.000				
-	Măng Bút	315.000.000				
-	Sa Thầy	510.000.000				
-	Lý Sơn	567.000.000				
-	Tu Mơ Rông	320.140.885				
b2	Các xã, phường qua kiểm toán tổng hợp tại Sở Tài chính	7.644.749.089				
d	Kinh phí bổ sung có mục tiêu hết nhiệm vụ chi	4.459.420.080				
-	Tư Nghĩa	30.600				Kinh phí bổ sung có mục tiêu của tỉnh thực hiện tổ chức Đại hội Đại biểu Đảng bộ cấp xã nhiệm kỳ 2025-2030 đã hết nhiệm vụ chi phải nộp trả ngân sách cấp trên theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 26/2026/TT-BTC
-	Măng Đen	386.262.170				Kinh phí bổ sung có mục tiêu hết nhiệm vụ chi, phải nộp trả ngân sách cấp trên theo khoản 2 Điều 9 Thông tư số 26/2026/TT-BTC (KP mục tiêu nhiệm vụ 162,8trđ; Quỹ tiền thường còn lại: 223,8trđ)
-	Vệ Giang	407.312.410				Kinh phí đã hết nhiệm vụ chi nhưng chưa kịp nộp trả ngân sách tỉnh (NST) theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 26/2026/TT-BTC với số tiền 407,3trđ (Về việc bổ sung kinh phí hỗ trợ các xã, phường, đặc khu 25 trđ; kinh phí cho các đơn vị từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi (huyện cũ hỗ trợ) 14,8 trđ; bổ sung có mục tiêu cho xã cũ theo quy định của Nghị quyết số 28/2022/NQ-HĐND ngày 06/12/2022 của HĐND tỉnh (Nhà đa năng Nghĩa Hiệp 57 trđ;Điện chiếu sáng tuyến đường liên xã HĐ.27 từ xã Nghĩa Hiệp đi xã Nghĩa Thương 6,4 trđ); KP hỗ trợ công tác viên bảo vệ, chăm sóc dân số 10,8trđ; KP huyện chuyển giao cho cấp xã khi kết thúc hoạt động để các xã tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ 26,2 trđ;Kinh phí đôn điền đổi thửa theo Nghị Quyết số 16/2023/NQ-HĐND 231 trđ Kinh phí một cửa theo NQ số 35/2022/NQ-HĐND tỉnh 36 trđ)
-	Bờ Y	1.325.140.000				Kinh phí tỉnh bổ sung có mục tiêu cho xã hết nhiệm vụ chi phải hoàn trả ngân sách tỉnh theo khoản 2 Điều 9 Thông tư số 26/2026/TT-BTC: (i) Kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội 06 tháng cuối năm 2025 số tiền 1.251trđ; Kinh phí thực hiện nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai 74,1trđ
-	Tu Mơ Rông	85.674.900				Kinh phí quỹ tiền thường tỉnh bổ sung có mục tiêu đã hết nhiệm vụ chi nhưng chưa kịp nộp trả ngân sách tỉnh (NST) theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 26/2026/TT-BTC

STT	Đơn vị, chỉ tiêu, nội dung kiến nghị	Số tiền	Đã thực hiện	Còn lại chưa thực hiện	Chứng từ thực hiện/Thuyết minh nguyên nhân chưa thực hiện	Ghi chú
-	Măng Bút	1.752.000.000				Kinh phí tính bổ sung có mục tiêu cho xã hết nhiệm vụ chi phải hoàn trả ngân sách tỉnh theo khoản 2 Điều 9 Thông tư số 26/2026/TT-BTC, gồm: Kinh phí giáo viên mầm non tăng thêm 229trđ; Kinh phí chi trả tiền lương, phụ cấp trong năm 2025 số tiền 1.271trđ; quỹ tiền thưởng 252 trđ
-	Sa Thầy	503.000.000				Kinh phí tính bổ sung có mục tiêu hết nhiệm vụ chi phải hoàn trả ngân sách tỉnh theo khoản 2 Điều 9 Thông tư số 26/2026/TT-BTC, số tiền 503 trđ (chi trả chế độ đối với biên chế giáo viên tăng thêm 217 trđ; Quỹ tiền thưởng 286 trđ)
e	Thu hồi nguồn CCTL của cấp huyện cũ chưa xử lý chuyển về cấp tỉnh khi thực hiện chính quyền 02 cấp	21.088.000.000				
-	Trà Bồng	809.000.000				Huyện Trà Bồng (cũ) bàn giao kinh phí tiết kiệm 10% chi thường xuyên CCTL được quản lý tập trung tại ngân sách huyện cho xã Trà Bồng (mới) mà không xử lý bàn giao về ngân sách tỉnh, số tiền 809 trđ (sau khi sắp nhập tình giao lại dự toán cho xã theo số bàn giao bằng hình thức bổ sung có mục tiêu); cuối năm 2025, kinh phí chưa sử dụng nhưng chưa nộp NS tỉnh theo khoản 2 Điều 9 Thông tư số 26/2026/TT-BTC
-	Nghĩa Lộ	4.055.800.000				UBND thành phố Quảng Ngãi (cũ) không chuyển kinh phí 70% nguồn CCTL từ tăng thu ngân sách thành phố năm 2024 về ngân sách cấp tỉnh mà giao lại cho các đơn vị cấp xã mới 20.279trđ , trong khi các đơn vị đã được cấp đủ nhu cầu tiền lương tăng thêm và quỹ tiền thưởng theo Nghị
-	Cầm Thành	4.055.800.000				
-	Ấn Phú	4.055.800.000				
-	Tịnh Khê	4.055.800.000				
-	Trương Quang Trọng	4.055.800.000				
f	Xã Sơn Tinh: Kinh phí mục tiêu (tiền lương, phụ cấp và chi hoạt động của biên chế cấp huyện chuyển về xã)	325.015.000				UBND xã báo cáo nhu cầu tiền lương, phụ cấp và chi hoạt động của biên chế cấp huyện chuyển về cấp xã sau sắp xếp chưa chính xác, còn thừa 266,8 trđ, chưa nộp trả NS cấp trên theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 26/2026/TT-BTC. Đồng thời, Phòng Kinh tế giữ lại 10% tiết kiệm chi thường xuyên tạo nguồn CCTL, chưa đúng mục tiêu nguồn kinh phí 58,2 trđ (còn tồn chuyển nguồn sang năm 2026).
g	Phường Kon Tum: Kinh phí thực hiện chính sách ASXH	38.635.000				Một số khoản kinh phí ASXH còn tồn và hết nhiệm vụ chi năm 2025 chưa nộp trả NS tỉnh theo khoản 2 Điều 9 Thông tư số 26/2026/TT-BTC, số tiền 38,6 trđ (Kinh phí hỗ trợ học sinh khuyết tật 35,2 trđ; hỗ trợ ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người 3,5 trđ)
h	Tại Xã Đăk Tô: Dự toán tính cấp thừa khi thực hiện chính quyền 02 cấp	1.427.000.000				Dự toán tính giao thừa, không có nhiệm vụ cụ thể cho ngân sách xã sau khi thực hiện chính quyền 02 cấp, chưa thực hiện đúng hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Mục I.2 và Mục II.2.1b Công văn số 4205/BTC-NSNN ngày 20/6/2025, số tiền 1.427trđ (cuối năm còn dự tại kết dư ngân sách xã)
IV	Hủy dự toán	1.240.230.900				
1	Chi thường xuyên	1.240.230.900				
1.1	Sở Khoa học và Công nghệ	1.225.578.900				Đã quá thời gian quyết toán kinh phí dự án Ứng dụng khoa học công nghệ sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh từ nguồn nguyên liệu ở địa phương để phát triển chăn nuôi bò thịt tại tỉnh Quảng Ngãi được phân bổ năm 2025 là 1.225,6trđ nhưng Sở KHCN chưa thực hiện quyết toán kinh phí mà chuyển nguồn sang năm 2026, chưa đúng quy định tại điểm c khoản 4, khoản 6 Điều 63 Luật KHCN và ĐMST năm 2025, khoản 3 Điều 66 Luật NSNN 2025.
1.2	Sở Dân tộc và Tôn giáo	14.652.000				Sở Dân tộc và Tôn giáo chuyển nguồn kinh phí cấp sau 30/9/2025 nhưng đã hết nhiệm vụ chi, chưa đúng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 66 Luật NSNN 2025, số tiền 14,6trđ (KP trung bày sản phẩm tại HN đề án nghề 6,7trđ; KP đưa đoàn đại biểu DTTS tham dự đại hội thị đua yêu nước 8trđ)
V	Xử lý tài chính khác	36.892.197.404				
V.1	Tăng nguồn cải cách tiền lương	6.822.579.975				
2	Tăng nguồn CCLT năm 2025 tại xã, phường	6.822.579.975				
-	Đức Phổ	704.100.000				ĐP xác định thiếu nguồn CCTL, gồm: nguồn 100% kinh phí tiết kiệm chi NSNN hỗ trợ hoạt động thường xuyên (chi tiền lương và chi hoạt động theo quy định của pháp luật) do tỉnh gián biên chế, sắp xếp tổ chức bộ máy thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp theo khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 245/2025/QH15 ngày 13/11/2025 của Quốc hội và công văn số 294/BTC-NSNN ngày 09/01/2026 của Bộ Tài chính, số tiền 270trđ; nguồn 50% phần NSNN giảm chi hỗ trợ hoạt động thường xuyên trong lĩnh vực hành chính, sự nghiệp số tiền 434,1trđ
-	Đăk Tô	1.354.000.000				ĐP xác định thiếu nguồn 100% kinh phí tiết kiệm chi NSNN hỗ trợ hoạt động thường xuyên (chi tiền lương và chi hoạt động theo quy định của pháp luật) do tỉnh gián biên chế, sắp xếp tổ chức bộ máy thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp theo khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 245/2025/QH15 ngày 13/11/2025 của Quốc hội và công văn số 294/BTC-NSNN ngày 09/01/2026 của Bộ Tài chính, số tiền 1.226,2trđ; xác định thừa nhu cầu quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP số tiền 127,8 trđ
-	Bình Minh	300.131.000				ĐP xác định thiếu nguồn 100% kinh phí tiết kiệm chi
-	Nghĩa Lộ	1.483.000.000				NSNN hỗ trợ hoạt động thường xuyên (chi tiền lương và chi hoạt động theo quy định của pháp luật) do tỉnh gián biên chế, sắp xếp tổ chức bộ máy thực hiện mô hình chính
-	Măng Đen	866.291.000				biên chế, sắp xếp tổ chức bộ máy thực hiện mô hình chính
-	Vệ Giang	750.996.000				ĐP xác định thiếu nguồn 40% số thu được để lại theo quy định tạo nguồn CCTL theo điểm g khoản 3 Điều 4 Thông tư số 88/2024/TT-BTC
-	Măng Bút	118.752.000				

STT	Đơn vị, chỉ tiêu, nội dung kiến nghị	Số tiền	Đã thực hiện	Còn lại chưa thực hiện	Chứng từ thực hiện/Thuyết minh nguyên nhân chưa thực hiện	Ghi chú
-	Tu Mơ Rông	359.919.975				(i) Tăng nguồn CCTL năm 2025 số tiền 150,1trđ do chưa tổng hợp nguồn kinh phí cấp bù học phí 129,9trđ; chưa tổng hợp nguồn CCTL năm 2024 chuyển sang của 02 xã cũ 20,2trđ; (ii) Giảm nhu cầu CCTL do tổng hợp nhu cầu CCTL đối với biên chế chưa tuyển của một số đơn vị 209,8trđ
-	Long Phụng	333.348.000				ĐP xác định thiếu nguồn kinh phí tiết kiệm chi hỗ trợ hoạt
-	Mộ Đức	552.042.000				đồng chi thường xuyên do tỉnh gián biên chế, sắp xếp tổ
V.2	Các khoản phải nộp nhưng chưa nộp	30.069.617.429				
1	Nộp trả NSTW	10.294.860.000				
-	Kinh phí tiết kiệm 10% chi thường xuyên theo NQ số 173/NQ-CP	10.294.860.000				UBND tỉnh chưa nộp NSTW kinh phí tiết kiệm 10% chi thường xuyên theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 173/NQ-CP ngày 13/6/2025 của Chính phủ và khoản 3 Công văn số 8290/KBNN-KTNN, số tiền 10.294,86 trđ (Kinh phí đã thu hồi của Sở Xây dựng tại Quyết định số 1926/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 số tiền 9.882 trđ; kinh phí UBND xã Kon Đảo nộp trả NS tỉnh tại GNT số 04 ngày 24/3/2026, số tiền 412,86 trđ).
2	Nộp trả ngân sách tỉnh	6.695.797.425				
a	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên theo Nghị quyết số 173/NQ-CP khối xã, phường, đặc khu	6.643.797.425				
a1	Các đơn vị kiểm toán chi tiết	3.154.386.125				
-	Đức Phổ	65.250.125				Cấp xã còn xác định thiếu 10% tiết kiệm chi thường xuyên theo Điều 1, 2 Nghị quyết số 173/NQ-CP
-	Trà Bồng	53.600.000				
-	Bình Sơn	274.608.000				
-	Bình Minh	298.337.000				
-	Sơn Tịnh	867.706.000				
-	Mãng Đen	33.585.000				
-	Tư Nghĩa	70.000.000				
-	Vệ Giang	56.000.000				
-	Đắk Hà	625.300.000				
-	Lý Sơn	810.000.000				
a2	Các đơn vị kiểm toán tổng hợp tại Sở Tài chính	3.489.411.300				
b	Sở Nông nghiệp và Môi trường: Tiết kiệm 10% chi thường xuyên theo Nghị quyết số 173/NQ-CP	52.000.000				Đơn vị xác định thiếu 10% tiết kiệm chi thường xuyên theo Điều 2 Nghị quyết số 173/NQ-CP
3	Phường Cẩm Thành: Thu lỗ, sập tại Ban quản lý chợ Quảng Ngãi	1.959.104.135				Ban quản lý Chợ Quảng Ngãi có phát sinh nguồn thu thu lỗ sập dài hạn nhưng chưa kịp thời nộp NSNN để hoàn trả chi phí đầu tư theo Điều 6 Quyết định số 15/2017/QĐ-UBND ngày 17/4/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi
4	Kinh phí vốn xoay vòng dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	649.041.869				
-	Phường Kon Tum	456.194.000				02 UBND phường chưa nộp kinh phí vốn xoay vòng dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng
-	Phường Đắk Cẩm	192.847.869				
5	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi	10.470.814.000				
-	Dự án Đường Sơn Tân – Sơn Mùa (ĐH.86)	10.470.814.000				Số dư tạm ứng là 10.470trđ nhưng lần thanh toán khối lượng hoàn thành gần nhất là ngày 25/12/2023 đến thời điểm này đã quá hạn phải thu hồi theo quy định của hợp đồng, tuy nhiên đến ngày 06/02/2026 nhà thầu thi công mới thực hiện chuyển trả tiền tạm ứng vào tài khoản tiền gửi của Ban QLDA khu vực Sơn Tây mà không nộp trả KBNN là không đúng quy định tại điểm d khoản 6 Điều 9 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP

PHỤ LỤC 02
KIỆN NGHỊ KHÁC

(Kèm theo Công văn số 7736/UBND-KTTH ngày 06/8/2026 của UBND tỉnh)

ĐVT: đồng

STT	Đơn vị/ Nội dung kiến nghị	Số tiền	Đã thực hiện	Còn lại chưa thực hiện	Chứng từ thực hiện/Thuyết minh nguyên nhân chưa thực hiện	Ghi chú
1	2	3				
	TỔNG CỘNG	18.284.566.000				
1	Sở Tài chính	16.775.920.000				
1.1	Bổ trí hoàn nguồn CCTL từ nguồn giảm chi thường xuyên	16.124.200.000				UBND tỉnh không tạo nguồn CCTL từ nguồn thu hồi dự toán chi thường xuyên do sáp nhập cơ quan, đơn vị và giảm mức hỗ trợ NSNN cho các đơn vị sự nghiệp công lập (do tăng mức tự chủ) mà bổ sung dự phòng và chi khác ngân sách cấp tỉnh để chi thường xuyên chưa đúng quy định tại điểm d khoản 3 Điều 4 Thông tư số 88/2024/TT-BTC số tiền 16.124,2 triệu đồng
1.2	Trích bổ sung Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp	651.720.000				05 đơn vị sự nghiệp công lập trích Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp chưa đủ tỷ lệ tối thiểu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14 và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và khoản 1 Điều 18 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, số tiền trích thiếu 651,7 triệu đồng (Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo 36trđ; BQLDA ĐTXD khu vực Trà Bồng 264 triệu đồng; BQLDA ĐTXD khu vực Sơn Tây 178,8 triệu đồng; Trung tâm Y tế Đăk Hà 53,625 triệu đồng; Trung tâm Y tế Tu Mơ Rông 119,3 triệu đồng)
2	Phường Kon Tum	82.646.000				
2.1	Bổ trí hoàn trả nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	82.646.000				UBND phường phân bổ nguồn kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên của các đối tượng nghỉ theo Nghị định 178/2024/NĐ-CP cho các nội dung chi thường xuyên chưa đúng quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 245/2025/QH15 và hướng dẫn của Bộ Tài chính tại công văn số 294/BTC-NSNN ngày 09/01/2026, số tiền 82,6 triệu đồng
3	Ban quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	174.000.000				

STT	Đơn vị/ Nội dung kiến nghị	Số tiền	Đã thực hiện	Còn lại chưa thực hiện	Chứng từ thực hiện/Thuyết minh nguyên nhân chưa thực hiện	Ghi chú
3.1	Bổ sung Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị	174.000.000				Chưa thực hiện tiết kiệm 10% nguồn thu sự nghiệp, thu khác được để lại theo chế độ 7 tháng cuối năm 2025 theo Điều 2 và điểm d khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 173/NQ-CP
4	Sở Nông nghiệp và Môi trường	1.073.000.000				
4.1	Bổ sung Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị	1.073.000.000				Chưa thực hiện tiết kiệm 10% nguồn thu sự nghiệp, thu khác được để lại theo chế độ 7 tháng cuối năm 2025 theo Điều 2 và điểm d khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 173/NQ-CP
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	179.000.000				
5.1	Bổ sung Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị	179.000.000				Chưa thực hiện tiết kiệm 10% nguồn thu sự nghiệp, thu khác được để lại theo chế độ 7 tháng cuối năm 2025 theo Điều 2 và điểm d khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 173/NQ-CP